

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2019/DS-ST
Ngày: 06-6-2019
V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vinh

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1012/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 121/30 đường H, phường 8, quận 8, thành phố H. (đại diện Hộ kinh doanh Đại lý Q).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964, Có mặt.

Địa chỉ: D2, cư xá P, phường 13, quận 6, thành phố H theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2019.

2. Bị đơn: Anh Võ Thanh V, sinh năm 1975 và chị Đỗ Thị D, sinh năm 1980,

Cùng địa chỉ: 191/2 ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh V ủy quyền cho chị D tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 06 tháng 6 năm 2019. Chị D có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2014 anh V và chị D có mua thức ăn thủy sản, thuốc, giống để nuôi tôm của Đại lý Q (do anh L là người đại diện), hai bên thỏa thuận khi

kết thúc vụ nuôi thì bên mua thanh toán tiền. Tổng kết nợ vào ngày 01/01/2015 anh V và chị D còn nợ đại lý số tiền là 88.053.000 đồng, nhiều lần anh L yêu cầu anh V và chị D thanh toán tiền nhưng anh V và chị D không thanh toán.

Tại tòa ông yêu cầu anh V và chị D có trách nhiệm liên đới trả cho đại lý Quỹ Tường một lần hết số nợ gốc là 88.053.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/6/2019 là $88.053.000 \text{ đồng} \times (9\% \times 150\%) \times 53 \text{ tháng} = 52.490.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền ông yêu cầu anh V và chị D trả cho anh L là: 88.053.000 đồng + 52.490.000 đồng = 140.543.000 đồng (làm tròn số là 140.500.000 đồng).

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn Đỗ Thị D đồng thời được bị đơn Võ Thanh V ủy quyền trình bày:

Chị thừa nhận vợ chồng chị có mua thức ăn, thuốc thủy sản, giống của đại lý Quỹ Tường để nuôi tôm tạo thu nhập cho gia đình từ nhiều năm trước, hai bên thỏa thuận kết thúc vụ nuôi thì thanh toán tiền, những năm đầu nuôi có lời nên thanh toán tiền đầy đủ cho đại lý Q. Đến mùa vụ năm 2014 do nuôi tôm thua lỗ nên không có tiền thanh toán và hai bên tổng kết nợ vào ngày 01/01/2015 số tiền vợ chồng chị còn nợ đại lý Q là 88.053.000 đồng. Do nuôi tôm thua lỗ, tôm chết nên vợ chồng chị không có tiền thanh toán số nợ này.

Tại tòa vợ chồng chị chỉ đồng ý liên đới trả cho đại lý Q số tiền nợ gốc là 88.053.000 đồng, đối với khoản tiền lãi không đồng ý trả do khi mua không trả tiền trực tiếp là đại lý đã không tính chiết khấu. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần trong 05 năm hết số tiền 88.053.000 đồng và không đồng ý trả lãi.

Gia đình chị không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo cũng không phải gia đình có công với cách mạng; không phải là thân nhân liệt sĩ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Lê Văn L yêu cầu bị đơn Võ Thanh V và chị Đỗ Thị D trả tiền nợ do mua thức ăn nuôi tôm nhưng không trả nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Võ Thanh V và chị Đỗ Thị D có nơi cư trú tại 191/2 ấp TH, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thời gian các bên xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán tài sản từ năm 2012 đến năm 2014. Như vậy lúc các bên xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán tài sản Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[4] Về nội dung: theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên

đơn và bị đơn Võ Thanh V và chị Đỗ Thị D đều thống nhất hai bên có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản để nuôi tôm từ năm 2012 đến năm 2014, tính đến khi hai bên kết thúc việc mua bán anh V và chị D còn nợ đại lý Q (do anh L là người đại diện) số tiền 88.053.000 đồng. Hợp đồng mua bán được anh L và anh V, chị D giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và công nhận theo quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Hai bên cùng thống nhất khi thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm thì bên mua là anh V và chị D có nghĩa vụ trả tiền sau khi kết thúc vụ nuôi. Xét thấy, việc mua bán giữa hai bên đã kết thúc từ năm 2014, tổng kết nợ vào ngày 01/01/2015 anh V và chị D còn nợ số tiền 88.053.000 đồng nhưng không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn anh V và chị D có trách nhiệm liên đới trả cho anh L 88.053.000 đồng.

[5] Do anh V và chị D không thanh toán tiền đúng như thỏa thuận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 anh V và chị D còn phải trả lãi kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi là phù hợp với quy định pháp luật nhưng mức lãi suất 1,125%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu là không phù hợp. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/01/2017 với mức lãi suất 0,75%/tháng thành tiền là 15.849.000 đồng (làm tròn số) và từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/6/2019 với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 19.151.000 đồng nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả lãi, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lãi với số tiền lãi là 35.000.000 đồng (làm tròn số).

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Võ Thanh V và Đỗ Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, đối với phần yêu cầu trả lãi của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 428, 438, 305 Bộ luật dân sự 2005. Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm d Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn L. Buộc anh Võ Thanh V và chị Đỗ Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Lê Văn L số tiền 123.053.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn L về việc yêu cầu anh Võ Thanh V và chị Đỗ Thị D phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi là 17.490.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Thanh V và chị Đỗ Thị D phải có trách nhiệm liên đới chịu 6.152.000 đồng.

Anh Lê Văn L phải chịu 874.500 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo biên lai thu số 0001705 ngày 09 tháng 4 năm 2019 và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là 3.090.000 đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh